



QUAN NIỆM ĐẠO ĐỨC VÀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC TRONG NHÀ TRƯỜNG HIỆN ĐẠI

PGS.TS. ĐẶNG THÀNH HƯNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Khái niệm đạo đức

Trong các từ điển Tiếng Việt và Bách khoa toàn thư Việt Nam cũng như nhiều tài liệu, chuyên khảo, giáo trình thường định nghĩa đạo đức là hình thái ý thức xã hội, là những chuẩn mực chung của xã hội có chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, và là bộ phận cơ bản của nhân cách [1,2,3,5,6,8,9,12,13,14]. Nhưng tại sao lại giải thích như vậy thì ít thấy ai nói. Luật cũng là những chuẩn mực, cũng chung, và cũng điều chỉnh các quan hệ xã hội. Vậy phân biệt hai thứ này như thế nào? Đạo đức đã là hình thái ý thức xã hội thì sao lại là bộ phận của nhân cách được? Một thứ bên ngoài con người, một thứ ở trong con người và đều là những chuẩn mực? Thật là khó thuyết phục.

Một số định nghĩa khái niệm đạo đức chúng ta thường gặp ở các từ điển và sách, tuy giải thích hơi khác nhau về câu chữ nhưng thực chất là giống nhau ở hai điểm: 1/ Đạo đức là ý thức xã hội; 2/ Là những chuẩn mực, quy định, quy tắc, quan điểm chung của xã hội mà mọi người thừa nhận và tuân theo.

Có thực đạo đức chỉ là hiện tượng ý thức, cho dù là ý thức xã hội hay cá nhân? Cứ cho rằng ý thức xã hội ảnh hưởng đến cá nhân và quy định ý thức cá nhân, rồi ý thức các cá nhân tạo nên ý thức xã hội, vậy đạo đức là ý thức? Nếu đạo đức là ý thức thì chỉ cần nghĩ mọi trường trong sạch là nó trong sạch, chỉ cần nghĩ mọi người thương yêu nhau là mọi người sẽ thương yêu nhau... cần gì phải nỗ lực tranh đấu, giải quyết vấn đề? Ý thức không thể giết người được, cũng không thể bảo vệ Tổ quốc khỏi họa xâm lăng, cũng không làm cho đồng ruộng, vườn cây đơm bông kết trái được...

Trong đào tạo giáo viên, các giáo trình thường viết rằng giáo dục đạo đức là việc thực hiện các hoạt động khác nhau trong hệ thống môn học và ngoài môn học. Điều này nói về nhiệm vụ giáo dục đạo đức rất đúng đắn. Nhưng chính nó phủ nhận khái niệm đạo đức quen thuộc đã nêu trên. Theo khái niệm này, đạo đức là những chuẩn mực, vì vậy giáo dục đạo đức là làm cho người ta biết và nhớ những chuẩn mực, tức là chỉ cần rao giảng mà thôi, giống như giảng đạo vậy. Như thế rõ ràng là sai.

Chúng tôi hiểu bản chất của đạo đức chính là giá trị. Đúng như khái niệm giá trị, đạo đức bao hàm mặt khách quan và mặt chuẩn mực (chủ quan). Phải có hiện tượng đạo đức trong xã hội rồi mới có thể nghĩ ra chuẩn mực cho nó. Và quá trình áp dụng, tuân thủ những chuẩn mực này sẽ thúc đẩy đạo đức phát triển hơn. Đến lúc

nào đó, do sự phát triển của đạo đức mà các chuẩn mực lại phải thay đổi, tức là ra đời những chuẩn mực mới.

Có thể giải thích sự nhầm lẫn trong cách hiểu khái niệm đạo đức trong nhiều sách vở. Đó là vì đồng nhất đạo đức là những giá trị đang tồn tại và tác động trong đời sống xã hội với những điều răn dạy, quy định, chuẩn mực về đạo đức (tức là luân lý). Chính cái phần luân lý này chứ không phải đạo đức, mới là ý thức xã hội. Luân lý (hay ý thức đạo đức, hay chuẩn mực, quy định đạo đức) chỉ là những lời nói, phát ngôn hay chữ viết về đạo đức trong sách vở, kinh kệ hoặc bài học. Nó tạo nên mặt chủ quan của đạo đức (hay mặt chuẩn mực của đạo đức như một dạng giá trị xã hội), do con người nghĩ ra và quy định chung với nhau.

Nhưng đạo đức như một dạng giá trị còn có mặt khách quan, không phụ thuộc vào ý thức cá nhân nào trong cộng đồng (nguyên lý). Đó là phương thức hành xử, cách giải quyết những vấn đề trực tiếp liên quan đến cái Thiện và cái Ác theo đường lối nhất định. Chữ Đạo (nghĩa là đường đi, lối đi) chính là đường lối này, và đó là chuẩn mực. Còn chữ Đức chính là phương thức của hành động, hành vi và kết quả của hành động, hành vi ứng xử (các giá trị hiện thực). Đức thể hiện việc làm (hành - action) và kết quả làm được, còn làm theo lối nào, chuẩn mực nào thì thể hiện Đạo, tức là luân lý. Cái phần Đức trong đạo đức là tồn tại xã hội chứ không phải ý thức xã hội, và nó hiện thực ở từng người, ở đời sống cộng đồng.

Trong sách báo nước ngoài cũng có biểu hiện thiếu rạch ròi khi phân biệt giữa Đạo đức và Đạo đức học, giữa Đạo đức và Luân lý. Chúng tôi hiểu Đạo đức là khái niệm được nhắc đến trong từ *Morality*, còn Đạo đức học nằm trong từ *Ethics* (một nhánh của Triết học xưa), và Luân lý (chuẩn mực đạo đức) được chỉ bằng thuật ngữ *Moral Codes*, và *Moral* là từ chỉ việc dạy và học luân lý, là bài học luân lý, giảng và học những chuẩn mực đạo đức. Xưa kia, giáo dục đạo đức thường bị hạn chế ở *Moral*, tức là giảng giải và học thuộc các chuẩn mực đạo đức, và người ta gọi đó là môn Luân lý.

Những phân tích trên tạm đủ để định nghĩa khái niệm đạo đức như sau:

Đạo đức là hệ giá trị được xã hội hoặc cộng đồng nhất định thừa nhận và được quy định thành chuẩn mực chung, có chức năng và tác dụng thực tế điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội có liên quan đến việc xử lý những phạm trù Thiện và Ác, Tốt và Xấu giữa con

người và con người, giữa con người và tự nhiên, giữa cộng đồng và cá nhân, giữa cá nhân và cá nhân, tồn tại và phát triển ở đời sống xã hội và đời sống cá nhân dưới ảnh hưởng lịch sử của truyền thống và thành tựu kinh tế - xã hội mới mẻ trong phát triển của cộng đồng đó.

Theo quan điểm này, đạo đức là những giá trị đang tồn tại nhờ sự thống nhất biện chứng giữa: 1/ Sự thấu hiểu và nhất trí về luân lý (chuẩn mực, quy tắc đạo đức và vai trò của chúng) của mọi người; 2/ Nhu cầu và tình cảm đạo đức có tính tương đối ổn định; 3/ Hành động, hành vi đạo đức hàng ngày phù hợp với 2 yếu tố trên và những kết quả hiện thực mà chúng mang lại.

2. Giáo dục đạo đức

2.1. Bản chất của giáo dục đạo đức

Giáo dục đạo đức là một trong những nhiệm vụ giáo dục giá trị, bởi vì đạo đức là một dạng giá trị. Luận điểm này từ bỏ cách giáo dục rao giảng, học vẹt các chuẩn mực đạo đức, mà nhấn mạnh giáo dục bằng trải nghiệm, bằng hành động thực tiễn trong rèn luyện của chính người học. Muốn học được đạo đức, con người phải thực hành đạo đức hàng ngày trong cuộc sống riêng tư, trong đời sống cộng đồng, trong quan hệ xã hội, trong hoạt động nghề nghiệp, trong quan hệ với môi trường và quan hệ với chính mình, cũng như trong việc xử lý những vấn đề văn hóa, pháp luật, giải trí, làm ăn sinh nhai, học tập và phát triển cá nhân.

Giáo dục đạo đức hơn bất cứ nhiệm vụ giáo dục nào khác, đòi hỏi con người tỉnh tự giác, ý chí bền bỉ, bản lĩnh tự giáo dục và niềm tin mãnh liệt vào cái Thiện, cái Tốt. Nói gọn lại, đó là động cơ bên trong mỗi người. Không có động cơ bên trong của mỗi người thì giáo dục đạo đức chỉ tạo ra được những người đạo đức giả, hiểu và biết nói đạo đức chứ thực sự không có đạo đức với tư cách là giá trị chân chính.

Vì vậy, *khái niệm giáo dục đạo đức* chỉ quá trình và kết quả tổ chức và thực hiện các hoạt động thích hợp cùng với môi trường và điều kiện thuận lợi để giúp người học trải nghiệm và thực hành các giá trị đã được qui định thành các chuẩn mực đạo đức, tích lũy kinh nghiệm cá nhân về việc thể hiện những giá trị này trong cuộc sống thông qua lý trí, tình cảm, nhu cầu và hành động, hành vi đạo đức của mình.

Nói gọn lại, giáo dục đạo đức là sử dụng các hoạt động và phương thức giao tiếp nhất định để: 1/ Tác động và phát triển *lí trí đạo đức* (thấu hiểu, thừa nhận và đánh giá có phê phán các sự kiện trong đời sống đạo đức trên lập trường Thiện - Ác, Tốt - Xấu); 2/ Phát triển *nhu cầu và tình cảm đạo đức* (tin tưởng vào cái Thiện, yêu cái Thiện, khao khát cái Thiện, ghét cái Ác, muốn đấu tranh chống lại và thủ tiêu cái Ác); 3/ Khuyến khích phát triển *các hành vi và hành động đạo đức* phù hợp với lý trí, nhu cầu và tình cảm đạo đức của mình trong đời sống cá nhân và cộng đồng.

2.2. Các nguyên tắc của giáo dục đạo đức

Từ những năm giữa thế kỉ trước, giáo dục đạo đức thường tuân theo mô hình 4-E's, tức là 4 nguyên tắc cơ bản có chữ E trong tiếng Anh. Đó là:

- *Emotion (tình cảm)*: Giáo dục đạo đức phải đậm đà tình cảm, tránh khô khan và thô bạo, chú ý tác động vào tình cảm người học. Học trò phải chú ý rèn luyện tình cảm của mình.

- *Example (gương mẫu)*: Giáo dục đạo đức đòi hỏi nhà giáo dục và người lớn phải gương mẫu, phải thể hiện nhân cách đạo đức tốt trước người học. Học trò phải biết phục thiện và cố gắng làm theo gương tốt.

- *Exhortation (tận tâm)*: Giáo dục đạo đức đòi hỏi nhà giáo và người lớn phải tận tụy, hết lòng hết sức với học trò, có trách nhiệm cao và tận tâm với nhiệm vụ. Và học trò cũng phải tận tâm rèn luyện.

- *Experience (trải nghiệm, kinh nghiệm)*: Phải đưa học trò vào trải nghiệm thực tế và khai thác kinh nghiệm của họ trong các hoạt động, quan hệ giao tiếp, chứ không nói suông [15].

Sau này và gần đây, người ta đề cập thêm hai nguyên tắc nữa:

- *Explanation (giải thích rõ, làm tường minh)*: Chỉ rõ cơ sở khoa học của các giá trị đạo đức (trong bốn phạm, chuẩn mực, phẩm chất và hành vi đạo đức) cũng như con đường lựa chọn và rèn luyện để có được chúng.

- *Environment (môi trường)*: Nghĩa là môi trường đạo đức, cái chi phối hiệu quả của tất cả những nguyên tắc trên. Gia đình, nhà trường muốn giáo dục đạo đức tốt phải có môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi. Trong trường cũng vậy, lớp muốn thành công trong giáo dục đạo đức thì môi trường bên trong trường phải đậm đà giá trị đạo đức. Môi trường phi đạo đức hay phản đạo đức thì giáo dục đạo đức dù công phu hay đúng đắn thế nào cũng dễ thành công cốc. Vấn đề của nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức lúc này là phải đồng thời thực hiện đủ các nguyên tắc giáo dục đạo đức.

Những nguyên tắc đó nếu được thiết kế và thể hiện đúng trong nội dung, phương pháp và hoạt động giáo dục thì công tác giáo dục đạo đức có nhiều khả năng thành công và ngày càng có động lực cải thiện. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng nội dung, phương pháp và các hoạt động giáo dục đạo đức này rất phong phú, bao gồm 2 hệ thống: trong các lĩnh vực học tập (môn học) và ngoài các lĩnh vực học tập, chứ không chỉ riêng trong môn Đạo đức hay môn Giáo dục công dân.

2.3. Các chiến lược hay biện pháp giáo dục đạo đức

Các chiến lược hay biện pháp giáo dục đạo đức hoàn toàn tuân theo những nguyên tắc giáo dục nêu trên. Tùy theo cách sử dụng các kĩ thuật (thảo luận, công não, sử dụng song đề, hoạt động nhóm, trò chơi, tham quan, dự án, nghiên cứu trường hợp v.v...) và phương

tiên giáo dục khác nhau, song những biện pháp chung để giáo dục đạo đức thường bao gồm:

- *Xác định giá trị đạo đức* (Definition of value)

Biện pháp này tập trung vào định nghĩa các giá trị đạo đức sao cho rõ ràng, tức là chỉ rõ danh tính, nội hàm và những đặc điểm của chúng trong đời sống, trong nhận thức (chuẩn mực), trong việc thể hiện các bốn phận và phẩm chất đạo đức qua hành vi, hành động, thái độ của con người.

- *Làm sáng tỏ giá trị đạo đức* (Value Clarification):

Đó là thông qua những kĩ thuật và hoạt động phù hợp để khai thác giá trị đạo đức cá nhân, đưa chúng ra bên ngoài và làm chúng trải qua phê phán, phán xét của nhóm, của cộng đồng. Sau khi trải nghiệm như vậy, hệ giá trị đạo đức cá nhân được điều chỉnh và trở nên trong sáng hơn, hợp xã hội hơn.

- *Lựa chọn giá trị đạo đức* (Value Choosing): Xác định và sáng tỏ giá trị đạo đức giúp cá nhân tự giác hơn trong quá trình xử lí chúng và qua đó lựa chọn thang giá trị hay lập trường đạo đức của riêng mình. Khi đó có sự thừa nhận và thấu hiểu. Tuy nhiên, chừng đó mới là sự thay đổi lí trí đạo đức (nhận thức, biết đúng sai, tốt xấu, nên hay không nên) và phần nào cả tình cảm, nhu cầu đạo đức (có thái độ, xu hướng xúc cảm và tôn trọng đạo đức).

- *Khắc sâu giá trị đạo đức* (Value Engrave): Có nghĩa là thử nghiệm, thực hành và trải nghiệm trong việc làm, trong hành vi ứng xử đạo đức để hun đúc niềm tin đạo đức. Đó là mức độ cao của lí trí và tình cảm đạo đức ở cá nhân, biết hạnh phúc khi làm điều tốt, biết hối hận khi làm điều không tốt và mong muốn sửa chữa sai lầm.

- *Ra quyết định về giá trị đạo đức* (Value Decision): Chính là khẳng định hành động đạo đức, lối sống đạo đức cho chính mình đồng thời là bản lĩnh sống và hành động đạo đức trên cơ sở chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện chúng. Quyết định về giá trị đạo đức là tiền đề bên trong của bản lĩnh đạo đức cá nhân, giúp người ta nhất quán và ổn định trong đời sống đạo đức, có sức đề kháng với những ảnh hưởng phi đạo đức.

- *Chia sẻ giá trị đạo đức* (Value sharing): Đó là việc học hỏi thường xuyên người khác và tham gia vào việc điều chỉnh người khác trên phương diện đạo đức. Thực chất đây cũng là quan hệ hợp tác trong đời sống đạo đức, trước hết trong môi trường học đường. Thấy hay thì học thấy dở thì tránh và không làm nơ trước những hiện tượng thiếu đạo đức. Năng lực chia sẻ giá trị là nền tảng của tự phê bình và phê bình.

- *Cải thiện giá trị đạo đức* (Value Improvement): Đó là việc phòng ngừa quan điểm bảo thủ câu nệ trong đời sống đạo đức, biết phán xét trên cơ sở lí trí đạo đức cao và tình cảm đạo đức sâu sắc. Điều đó cho phép thích ứng tốt với hoàn cảnh mới, những thay đổi trong môi trường và làm mới hệ giá trị đạo đức cá nhân dựa vào xử

lí có căn cứ những tác động từ bên ngoài. Sự cải thiện giá trị cho phép hòa nhập xã hội có hiệu quả và đời sống đạo đức cá nhân có ích hơn cho cộng đồng.

- *Phát triển giá trị đạo đức* (Value Development):

Quá trình này chưa hẳn đến mức lớn lao như việc làm của các bậc "lập đức" nhưng bản chất thì giống như vậy. Đó là gây ảnh hưởng về đạo đức đến những người quanh mình như gia đình, họ tộc, bạn hữu, đồng nghiệp, hàng xóm v.v... Sự phát triển đạo đức đồng thời diễn ra ở cá nhân lẫn cộng đồng dựa trên những chuẩn mực chung. Song những khác biệt cá nhân trong đời sống đạo đức là điều cần được thừa nhận. Bởi vì đạo đức xã hội không thể có chỗ dựa nào khác ngoài quá trình đóng góp của các thành viên xã hội, tức là đời sống đạo đức của từng người.

Nội dung của sự phát triển đạo đức không phải điều gì khác quá trình tích lũy kinh nghiệm đạo đức, nâng cao thang giá trị đạo đức cá nhân và cộng đồng, mở rộng ảnh hưởng đạo đức trong cộng đồng và tạo nên hiệu quả xã hội của những hành động, quan hệ đạo đức trong đời sống. Trình độ phát triển đạo đức cao lí tưởng là trạng thái cá nhân luôn cảm nhận chính mình "cao hơn" so với những chuẩn mực thông thường và xem chúng là đương nhiên, chẳng phải cố gắng gì mới thực hiện được, những quy định đó chỉ là tối thiểu mà phàm là người thì đương nhiên đều làm được dễ dàng.

Về mặt triết học, điều cần tránh nhất trong giáo dục đạo đức là cưỡng bức, áp đặt và thuyết giảng sáo rỗng. Trong giáo dục mầm non và phổ thông, càng phải tránh đóng kịch, diễn vở đạo đức. Đặc biệt không nên lạm dụng các trò chơi đóng vai, diễn kịch vì chúng tạo ra môi trường và các tình huống khiến trẻ chỉ chú ý vào ngôn ngữ, hành vi ngôn ngữ và hành vi biểu cảm giả tạo nói về đạo đức. Những động thái kiểu này được khuyến khích và củng cố lâu dài sẽ có hại cho sự phát triển nhu cầu, tình cảm và hành động đạo đức.

Một điều cần tránh nữa trong giáo dục đạo đức là lẫn đạo đức với những giá trị thẩm mĩ, pháp luật, văn hóa và những hành vi sinh hoạt mang phong cách riêng hoặc cá tính. Nhầm lẫn như thế sẽ làm cho nội dung giáo dục dàn trải, phương pháp giáo dục thiếu phương hướng, hoạt động giáo dục kém hiệu quả, biện pháp giáo dục thiếu cụ thể. Cơ sở để xử lí nội dung giáo dục đạo đức là quan niệm đúng về bản chất của đạo đức, về hệ giá trị đạo đức và quy định, chuẩn mực về các bốn phận đạo đức của công dân Việt Nam đã được phản ánh trong hiến pháp, trong các giá trị truyền thống dân tộc.

Một vấn đề nữa là quan hệ giữa đạo đức và lương tâm. Lương tâm tùy thuộc phạm trù người, song không đồng nhất với đạo đức và chỉ là mầm mống của đạo đức mà thôi. Lương tâm được hợp thành từ hai phần cơ bản là *lương tri* và *lương năng*. Lương tri là khả năng

hiểu những điều đương nhiên mà hễ làm người ai cũng phải hiểu mà không cần ai dạy và không cần phải học mới hiểu (ví dụ, là con cái phải biết cha mẹ là ai, là người ai cũng phải biết cái tay của mình ở đâu...). Lương năng là năng lực làm những việc mà hễ là người thì phải biết làm, không cần ai phải dạy và cũng không cần phải học (ví dụ sinh con, ăn uống, đi đứng...) [7].

Như thế, lương tâm chưa phải là đạo đức và đạo đức là giá trị cá nhân có sau lương tâm khá muộn. Trong đời thường, nhiều người lẫn những phạm trù này với nhau. Lương tâm nói đơn giản đúng là "từ trên trời rơi xuống", còn đạo đức thì không, phải qua khổ luyện, trải nghiệm và hi sinh trên nền tảng lương tâm tốt và học vấn đầy đủ mới có được.

Sự phát triển đạo đức của con người dù là tự nhiên, hay qua giáo dục và tự giáo dục, đều phải đạt đến tính hài hòa của lí trí đạo đức, nhu cầu, tình cảm đạo đức và hành vi, hành động đạo đức. Chỉ có lí trí thì chưa đủ để có đạo đức. Chỉ có nhu cầu và tình cảm cũng vậy. Nếu có hành vi và hành động đạo đức bất giác, không dựa trên nền lí trí sáng suốt, đúng đắn, tình cảm cao thượng, thì hiệu quả của hành vi, hành động đó bị hạn chế rất nhiều, thậm chí có thể là hành vi, hành động "mù quáng" dễ dẫn đến thiệt thòi cho mình và cho người khác.

Tính hài hòa đó nghe đơn giản nhưng trên thực tế trải nghiệm cuộc sống mới bộc lộ đầy đủ ý nghĩa của nó. Đạt được lí trí đạo đức không khó lắm. Hễ căn bản có học hành, có hoàn cảnh sống bình thường thì ai ai cũng biết tốt - xấu, phải - trái, và tại sao lại như thế. Nhưng ngay cả có lí trí đạo đức khá chưa chắc đã có nhu cầu, tình cảm đạo đức tương ứng, và càng chưa có niềm tin đạo đức rõ ràng. Nhiều người biết lừa dối bạn bè là xấu, biết trẻ mồ côi rất khổ, biết rõ người nghèo rất vất vả, nhưng không hề thương xót họ. Rất nhiều bằng chứng mạnh mẽ về sự phân liệt này trong cuộc sống - biết rất rõ mình hay ai đó làm khổ người ta nhưng vẫn làm ngơ, vô cảm và thờ ơ trước đau khổ của họ.

Tuy vậy, khoảng cách giữa lí trí, nhu cầu, tình cảm đạo đức dù đã xa và rất xa, song so với hành vi, hành động đạo đức lại càng là một trời một vực. Biết cảnh ngộ, thương xót người ta - hầu hết những người bình thường lương thiện đều có được trình độ phát triển đạo đức như vậy. Song từ đó đạt tới hành động đạo đức thì rõ ràng là bước tiến lớn lao vô cùng. Biết, hiểu, thương, song không làm gì để chia sẻ, cứu giúp, cao hơn nữa - xả thân và cứu mạng, hi sinh để giúp người qua hoạn nạn - đó là điều rất thường thấy trên đời. Khi đòi hỏi đến hành động đạo đức thực sự, mới biết rõ ai tốt ai chưa tốt. Đó là tiêu chí tin cậy nhất để phán xét trình độ phát triển đạo đức của cá nhân.

Trong giáo dục đạo đức và quá trình rèn luyện để phát triển đạo đức của mỗi người, cần nhất là phải

có đức tin vào thành công, vững vàng về lập trường và lạc quan về tình cảm. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy rằng, người tốt là người có nhiều cái tốt hơn cái xấu nhưng chưa hết xấu, và người xấu là người có nhiều cái xấu hơn cái tốt nhưng chưa hết tốt. Không có ai tuyệt đối tốt hay tuyệt đối xấu. Đó là niềm tin thế giới quan cách mạng xuyên suốt quá trình giáo dục và rèn luyện đạo đức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Khắc Chương, *Một số vấn đề của giáo dục đạo đức và giáo dục đạo đức ở trường THPT*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995.
2. Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng, *Đạo đức học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
3. Phạm Minh Hạc, *Vấn đề con người trong công cuộc đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
4. Phạm Minh Hạc, *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng của thế kỉ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
5. Phạm Minh Hạc, *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
6. Phạm Minh Hạc, *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
7. Cao Xuân Huy, *Tư tưởng Phương Đông - gọi một điểm nhìn tham chiếu*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995.
8. Học viện chính trị Quốc gia, *Giáo trình Đạo đức học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
9. Trần Hậu Kiềm, *Giáo trình đạo đức học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
10. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
11. Hồ Chí Minh, *Về đạo đức*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
12. Nguyễn Khải Vinh và các cộng sự, *Xây dựng lối sống, đạo đức và chuẩn giá trị xã hội mới trong điều kiện CNH, HĐH phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, Đề tài khoa học xã hội, Mã số: 04.2003, Hà Nội.
13. Phạm Viết Vượng, *Giáo dục học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2007.
14. Phạm Viết Vượng, *Giáo dục học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1996.
15. International Encyclopedia of Education, *Moral Education*, Vol 6, London-Washington-Paris-Frankfurt-Sydney-Stockholm-Toronto, 1985.

SUMMARY

Touching upon moral issues and moral education in modern schools, the article presents its author's perception on: the concept of moral and principles of moral education.